

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 15
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	16
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	19
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	20 - 21
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	22
Báo cáo danh mục đầu tư	23 - 24
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	25 - 26
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	27 - 59

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 100.827.564.600 VNĐ, tương đương với 10.082.756,46 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "VCBF").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 3 năm 2017
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 21 tháng 11 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 13,48% và 5,67% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định (kể cả tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát)	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 315.975.103.708 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 10.082.756,46 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính giữa niên độ đã kiểm toán xác nhận khả năng có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (%)
<i>Phân bổ tài sản quỹ</i>			
Danh mục chứng khoán	90,52	94,50	95,16
Tài sản khác	9,48	5,50	4,84
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	315.975.103.708	211.250.053.259	242.954.993.498
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	10.082.756,46	8.082.337,13	9.508.169,31
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	31.338,16	26.137,24	25.552,23
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	32.215,74	26.351,52	28.297,48
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	27.615,68	23.604,47	25.154,39
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	13,48	10,68	-4,76
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	12,55	9,39	-5,59
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	0,93	1,29	0,82
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,04	2,14	1,99
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	23,88	8,72	23,59

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
6 tháng (từ 1/1/2024 đến 30/6/2024)	13,48	5,67
1 năm (từ 30/6/2023 đến 30/6/2024)	19,90	7,36
3 năm (từ 30/6/2021 đến 30/6/2024)	22,61	0,72
3 năm (bình quân năm)	7,03	0,24
Từ khi thành lập	213,42	114,43
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,47	7,52

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>	<i>Năm 2022 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	13,48	16,94	-11,98

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Nền kinh tế đã tăng tốc và phục hồi ấn tượng với mức tăng trưởng GDP đạt 6,93% trong quý 2 và 6,42% trong nửa đầu năm 2024, so với cùng kỳ, vượt kỳ vọng của thị trường. Khả năng đạt mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm của Chính phủ ở mức 6,0-6,5% hiện đã rõ ràng hơn:

- ▶ Trong khu vực công nghiệp và xây dựng (đóng góp 36,4% GDP, tăng 7,5%, cùng kỳ năm 2023 chỉ tăng 1,1%), ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là động lực tăng trưởng chính khi tăng tới 8,7% trong nửa đầu năm 2024, so với mức tăng chỉ 0,4% trong nửa đầu năm 2023. Ngành xây dựng tăng 7,3% (2023: 6,3%), ngành khai khoáng tiếp tục suy yếu xuống mức -7,2% từ mức -1,4% của năm ngoái do sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm.
- ▶ Khu vực dịch vụ (43,4% GDP) vẫn tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,1% so với cùng kỳ trong quý 2 và 6,6% so với cùng kỳ trong 6 tháng 2024, đóng góp 49,8% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Khu vực nông, lâm ngư nghiệp (11,6% GDP) tăng 3,4% so với cùng kỳ và đóng góp 6,0% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành trong quý 2 tăng 1,2% so với quý trước và 8,6% so với cùng kỳ trong 6 tháng 2024.
- ▶ Chỉ số PMI tăng mạnh lên 54,7 điểm trong tháng 6 với sự gia tăng đáng kể cả về sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới, tăng trưởng với tốc độ nhanh nhất kể từ khi chỉ số PMI bắt đầu được áp dụng vào năm 2011.
- ▶ Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 5,4% so với quý trước và 14,9% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2024, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là máy ảnh (tăng 50,7% so với cùng kỳ), máy tính và thiết bị điện tử (tăng 31,5% so với cùng kỳ) và hàng nông sản (tăng 25,6% so với cùng kỳ).
- ▶ Lạm phát đã tăng lên 1,4% so với đầu năm và 4,4% so với cùng kỳ trong quý 2 từ mức tăng 1,1% từ đầu năm và 3,8% so với cùng kỳ trong quý 1, chủ yếu do giá thực phẩm tăng (đặc biệt là giá gạo và giá thịt lợn) kết hợp với tăng giá nhà ở và giá điện. Tuy nhiên lạm phát được đánh giá vẫn sẽ nằm trong khoảng 4,0-4,5% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

VNĐ tiếp tục giảm gần 2,0% so với USD trong tháng 4 và dần ổn định trong thời gian còn lại của quý 2 nhờ các biện pháp điều hành của NHNN. Tính đến hết quý 2, VNĐ giảm 4,3% so với USD từ đầu năm và giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Áp lực lên VNĐ vẫn sẽ còn tiếp tục khi chênh lệch lãi suất giữa USD và VNĐ vẫn còn âm. Các chính sách của NHNN được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI tốt (giải ngân 10,8 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm), cán cân thương mại (11,8 tỷ USD) ở mức cao cũng như thâm hụt thương mại dịch vụ giữ ở mức 4,9 tỷ USD.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối tháng 6, Kho bạc Nhà Nước đã gọi thầu thành công 156,5 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 39,1% kế hoạch phát hành năm. Tại thời điểm cuối tháng 6 2024, trái phiếu 5 năm giao dịch quanh mức 1,98%, 45 điểm phần trăm cao hơn mức cuối tháng 12 năm ngoái. Kỳ hạn 10-15 năm giao dịch quanh mức 2,78%-2,95%, tương ứng với mức tăng 55 điểm phần trăm so với cuối quý 4 2023. Lợi tức trái phiếu kỳ hạn siêu dài 20-30 năm tăng trong biên độ hẹp hơn, khoảng 20 điểm trong nửa đầu năm.

Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, tính từ đầu năm đến cuối tháng 6, khối lượng phát hành đạt 129 nghìn tỷ đồng, gần gấp đôi so với 6 tháng 2023. Ngân hàng tiếp tục là tổ chức phát hành lớn nhất, chiếm 67% tổng khối lượng phát hành trong nửa đầu năm. Trên thị trường phát hành ra công chúng, các tổ chức phát hành chào bán 16,8 nghìn tỷ đồng và phát hành thành công 16,7 nghìn tỷ đồng, tương ứng tỉ lệ thành công 99,4% trong 6 tháng đầu năm 2024. Lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại có xu hướng tăng, cùng với sự tăng mạnh của lãi suất liên ngân hàng khiến lãi suất coupon của trái phiếu ngân hàng cũng trên đà tăng. Trái phiếu kỳ hạn 3 năm do các ngân hàng nhóm 2 phát hành có lãi suất coupon vào khoảng 5,4%-5,6% vào cuối tháng 6, tăng tương đối mạnh từ mức 3,7%-3,9% trong tháng 4, nhưng hầu như không thay đổi so với mức lãi suất coupon tại thời điểm cuối 2023. Lợi tức trái phiếu tăng vốn cấp hai duy trì ổn định, kỳ hạn 7 năm của các ngân hàng tier 1 có lợi tức khoảng 5,8%, ngân hàng tier 2 khoảng 6,2% và tier 3 khoảng 7,5%. Lợi tức trái phiếu bất động sản tiếp tục dao động trong khoảng 10-12%.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

3. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam có khởi đầu thuận lợi trong năm 2024 khi VN-Index tăng trưởng ấn tượng 13,6% trong quý 1/2024. Điều này được thúc đẩy bởi các yếu tố thuận lợi trong nước và toàn cầu. Trong nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức rất thấp từ 4,7% đến 5,5% cho kỳ hạn 12 tháng, khiến kênh đầu tư cổ phiếu trở nên hấp dẫn hơn. Các ngân hàng thương mại hạ mạnh lãi suất cho vay để thu hút khách hàng chất lượng, thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư. Kinh tế phục hồi và triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp được cải thiện cũng góp phần tạo nên tâm lý lạc quan cho thị trường. Hơn nữa, những nỗ lực của Chính phủ nhằm nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi và các yếu tố toàn cầu thuận lợi hơn, như kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, đã làm tăng thêm sự lạc quan của nhà đầu tư.

Tuy nhiên, sang quý 2/2024 chỉ số VN-Index trải qua nhiều biến động và giảm 3,0% so với quý trước. Các yếu tố chính dẫn đến sự điều chỉnh này có thể kể đến tin đồn về thay đổi nhân sự lãnh đạo cấp cao, lo ngại về tỷ giá hối đoái tăng và mặt bằng lãi suất tăng trở lại từ mức rất thấp, hoạt động bán ròng mạnh của nhà đầu tư nước ngoài, cùng với các chỉ số thị trường chứng khoán toàn cầu sụt giảm. Tuy vậy với kết quả tích cực của quý 1, chỉ số VNIndex vẫn tăng 10,2% sau nửa đầu năm.

Tổng giá trị giao dịch trung bình hàng ngày (ADTV) của HSX, HNX và Upcom đạt 972,6,5 triệu USD trong nửa đầu năm 2024, tăng 68,1% so với cùng kỳ năm trước. Môi trường lãi suất thấp và kinh tế vĩ mô cải thiện đã hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư cá nhân, thúc đẩy hoạt động giao dịch. Nhiều công ty môi giới chứng khoán đã tăng vốn chủ sở hữu để mở rộng khả năng cho vay ký quỹ và giảm hay thậm chí miễn phí giao dịch để giành thị phần. Điều này đã khuyến khích giao dịch từ các nhà đầu tư cá nhân, vốn chiếm hơn 90% tổng giá trị giao dịch của thị trường.

Trong quý 2 năm 2024, nhà đầu tư nước ngoài gia tăng bán ròng, với giá trị bán ròng lên tới 1,6 tỷ USD, nâng tổng mức bán ròng trong nửa đầu năm lên 2,1 tỷ USD. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng bán ròng tại các thị trường khác trong khu vực như Thái Lan, Philippines và Indonesia.

Trong nửa đầu năm 2024, ngành có hiệu suất tốt nhất là Công nghệ Thông tin (+53,2%), chủ yếu dẫn dắt bởi cổ phiếu Tập đoàn FPT (HSX: FPT) với mức tăng 57,2% nhờ thành tích vượt trội trong việc mang lại tăng trưởng lợi nhuận bền vững và tâm lý tích cực từ dự án hợp tác với NVIDIA. Ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu cũng tăng trưởng nổi bật, đạt mức lợi nhuận bình quân 33,9%, do lợi nhuận các công ty trong ngành được kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ.

Ngược lại, ngành Bất động sản (-6,1%) là ngành có hiệu suất kém nhất, chủ yếu do giá cổ phiếu của các công ty lớn như Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova (HSX: NVL), Tập đoàn VinGroup (HSX: VIC) và các công ty liên quan, Công ty Cổ phần Vinhomes (HSX: VHM) và Công ty Cổ phần Vincore Retail (HSX: VRE) suy giảm do lo ngại về tình hình tài chính. Ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (+2,5%) là ngành có hiệu suất kém thứ hai, chủ yếu do giá cổ phiếu của các công ty lớn nhất ngành giảm như CTCP Sữa Việt Nam (HSX: VNM, -1,8%) và CTCP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn (HSX: SAB, -2,5%).

Trong nửa đầu năm 2024, chỉ số VN30 (đại diện cổ phiếu vốn hóa lớn) đạt lợi nhuận 13,0%, vượt trội hơn VN70 (cổ phiếu vốn hóa vừa) và VN50 (cổ phiếu vốn hóa nhỏ) với lợi nhuận lần lượt là 11,1% và 9,4%.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	2,18	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	17,71	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	19,90	11,47
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi (%)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	315.975.103.708	211.250.053.259	49,57
Giá trị tài sản ròng (NAV)/ 1 đơn vị quỹ	31.338,16	26.137,24	19,90

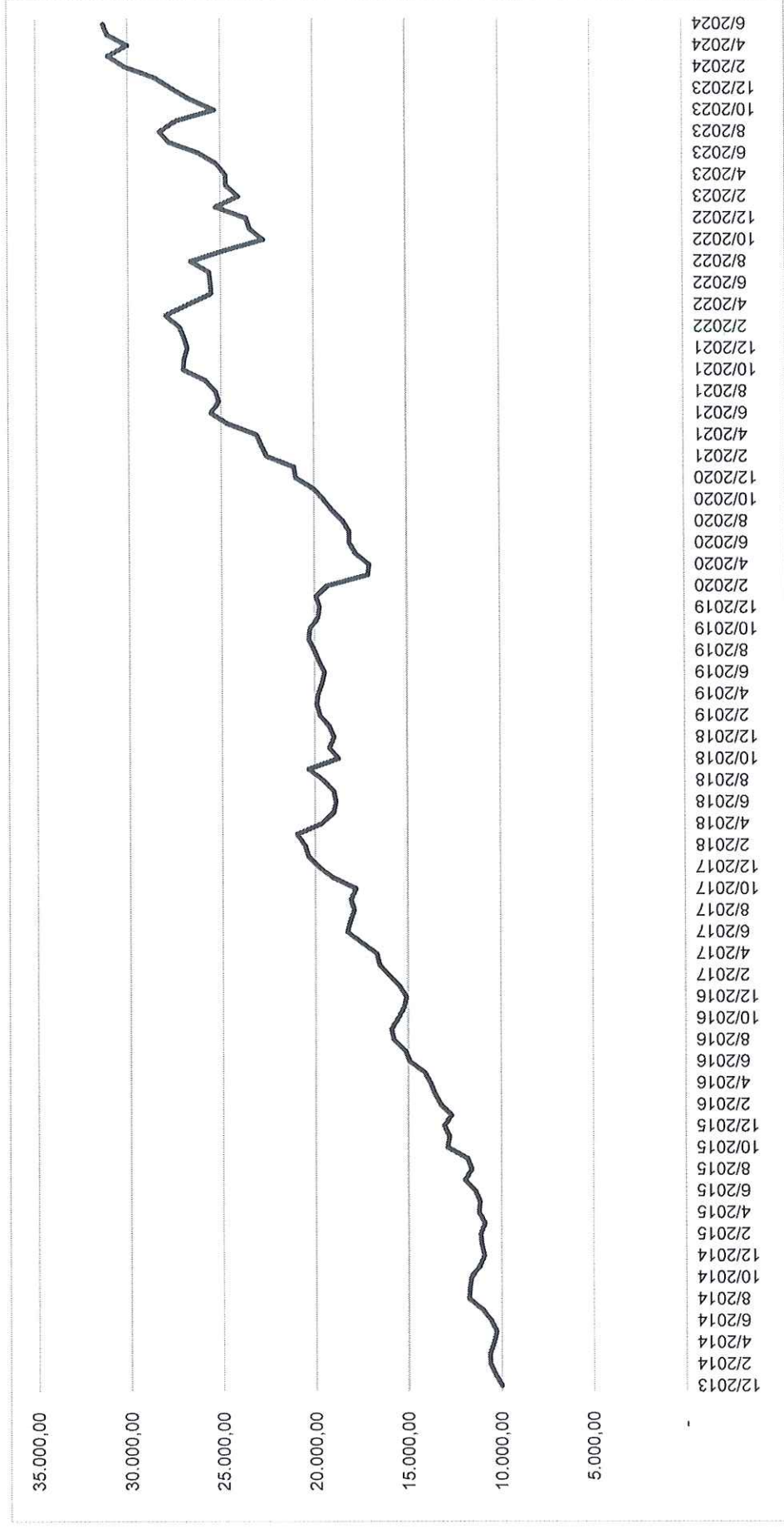
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	4.460	2.168.549,68	21,51
Từ 5.000 đến 10.000	158	1.103.534,04	10,94
Từ 10.000 đến 50.000	94	1.872.049,14	18,57
Từ 50.000 đến 500.000	11	1.104.595,72	10,95
Trên 500.000	2	3.834.027,88	38,03
Tổng cộng	4.725	10.082.756,46	100,00

3. Chi phí ngấm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vượt dự báo trong nửa đầu năm 2024 nhờ khu vực xuất khẩu và dịch vụ hồi phục mạnh mẽ. Tiêu dùng trong nước cũng hồi phục nhưng chưa như kỳ vọng khi tổng mức bán lẻ hàng hóa theo giá cố định chỉ tăng 5,7% so với cùng kỳ (6 tháng năm 2023: +8,8%). Do đó, Chính phủ có thể sẽ ưu tiên duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng. Nỗ lực này gặp nhiều trở ngại trong các tháng vừa qua khi VNĐ mất giá đến 4,3% trong nửa đầu năm. Nhưng áp lực tỷ giá được dự báo sẽ suy giảm trong nửa cuối năm. Nguồn cung USD lớn từ giải ngân vốn FDI và thu từ du khách quốc tế sẽ hỗ trợ VNĐ. Bên cạnh đó, máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu sản xuất chiếm đến khoảng 94% giá trị nhập khẩu trong sáu tháng đầu năm và điều này hứa hẹn triển vọng tích cực của xuất khẩu và sau đó là nguồn cung USD. Các biện pháp can thiệp của NHNN trên thị trường mở đã thu hẹp chênh lệch lãi suất USD – VNĐ và do đó làm giảm áp lực lên VNĐ. Lãi suất ở Mỹ hiện đang ở mức cao và nếu được cắt giảm sẽ gỡ bỏ rất nhiều áp lực tỷ giá. Dữ liệu mới nhất về lạm phát và thị trường lao động làm tăng hy vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ cắt giảm lãi suất trong năm 2024. Chỉ số Chi tiêu Cá nhân trong tháng 6 chỉ tăng 2,5% so với cùng kỳ trong khi tỷ lệ thất nghiệp đang cho thấy xu hướng tăng (T6 2024: 4,1%, T12 2023: 3,7%). Tuy vậy, khi nào Fed hạ lãi suất vẫn là câu hỏi lớn.

Các ngân hàng có thể sẽ tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất cho vay thấp để thu hút khách hàng tốt vì nhu cầu tín dụng còn thấp. Một số ngân hàng đã tăng lãi suất huy động trong thời gian vừa qua sau khi lãi suất liên ngân hàng tăng vì NHNN hút thanh khoản thừa trong hệ thống. Lãi suất huy động có thể tăng tiếp khi tín dụng tăng nhưng những thay đổi đáng kể có thể sẽ không diễn ra trong năm 2024 do hoạt động kinh doanh nhìn chung vẫn còn trì trệ. Lãi suất thấp sẽ tiếp tục thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư trong thời gian tới.

Về chính sách tài khóa, đẩy mạnh đầu tư công tiếp tục là trọng tâm của Chính phủ. Tốc độ giải ngân vốn trong các tháng vừa qua khá chậm và do đó lũy kế vốn giải ngân trong sáu tháng mới hoàn thành 29,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn mức 30,5% cùng kỳ. Tuy vậy, tiến độ xây dựng của các dự án trọng điểm cũng như tốc độ giải ngân vốn đầu tư công được kỳ vọng sẽ tăng tốc trong nửa cuối năm vì Chính phủ rất quyết tâm hoàn thành kế hoạch đầu tư công. Bên cạnh đó, Chính phủ vừa phê duyệt kéo dài thời gian giảm 2% thuế giá trị gia tăng đến cuối năm 2024 để hỗ trợ tiêu dùng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Ngành du lịch tiếp tục hồi phục với 8,8 triệu khách quốc tế trong nửa đầu năm, cao hơn 4,1% so với mức trước đại dịch Covid, và do đó đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và đang thực hiện tốt kế hoạch thu hút 17-18 triệu khách quốc tế trong năm nay (2023: 12,6 triệu khách). Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt vào lĩnh vực sản xuất, vẫn rất khả quan và sẽ giúp gia tăng nhu cầu trên thị trường lao động và tạo ra giá trị xuất khẩu mới. Hơn nữa, sau khi khu vực sản xuất hồi phục mạnh mẽ, người tiêu dùng sẽ tự tin hơn về triển vọng việc làm và thu nhập và do đó sẽ tác động tích cực đến tiêu dùng.

Do đó, chúng tôi duy trì quan điểm lạc quan về triển vọng của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam trong nửa cuối năm 2024. Thực tế là hầu hết các doanh nghiệp vốn hóa lớn trong chỉ số VN30 đều đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận với mức tăng trưởng bình quân trung vị là 15,6% so với cùng kỳ. Về dự báo của thị trường, lợi nhuận của các công ty trong chỉ số VN-Index được dự báo tăng 27,8% so với cùng kỳ. Vì vậy, định giá thị trường chứng khoán sẽ trở nên hấp dẫn với hệ số P/E dựa trên dự báo lợi nhuận cả năm 2024 chỉ ở mức 11,9 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình trong 10 năm qua là 15,8 lần. Bên cạnh đó, lãi suất huy động vẫn sẽ duy trì ở mức thấp như đã được phân tích ở trên và điều này sẽ giúp duy trì nhu cầu đầu tư vào cổ phiếu.

Tuy nhiên, thị trường trong giai đoạn hiện nay cũng chứa đựng nhiều rủi ro. Một điểm quan trọng cần lưu ý là nền kinh tế Mỹ vẫn đang trong giai đoạn thực hiện thắt chặt tiền tệ trong khi lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu của Fed là tăng 2,0%. Căng thẳng địa chính trị vẫn chưa cho thấy dấu hiệu hạ nhiệt và do đó vẫn tiềm ẩn rủi ro cho tăng trưởng kinh tế và lạm phát, đặc biệt nếu các quốc gia liên quan có động thái làm gia tăng căng thẳng. Bên cạnh đó, chúng tôi nhận thấy giá một số cổ phiếu, đặc biệt là các cổ phiếu của các công ty tốt, đã tăng rất mạnh và vì vậy phần lớn giá cổ phiếu hiện nay đã phản ánh giá trị thực của các công ty này. Do đó, chúng tôi nhận thấy tìm kiếm được các cơ hội tốt là khá khó khăn ở giai đoạn hiện nay. Như lịch sử đã chứng minh, chất lượng của doanh nghiệp và định giá cổ phiếu là hai yếu tố quan trọng nhất quyết định kết quả đầu tư. Do đó chúng tôi tin tưởng rằng chiến lược xây dựng một danh mục đa dạng bao gồm các công ty tốt ở các mức định giá hợp lý sẽ tiếp tục tạo ra mức lợi nhuận đã điều chỉnh rủi ro hấp dẫn cho các nhà đầu tư của chúng tôi.

Nhờ sự can thiệp của NHNN trên thị trường tiền tệ, chênh lệch lãi suất âm giữa VND và USD đã giảm về gần 0,0% từ -2,4% cuối Quý 1 và -4,1% cuối năm 2023. Bên cạnh đó, NHNN cũng đã bán ngoại tệ nhằm đảm bảo các nhu cầu chính đáng. Theo đó, tỉ giá VND-USD được duy trì khá ổn định trong tháng 6, với sự mất giá của tiền đồng chỉ 0,02%, trong khi DXY tăng 1,1% trên thị trường thế giới. Mặc dù áp lực mất giá của đồng nội tệ vẫn còn lớn, mức độ căng thẳng dự báo sẽ giảm bớt trong nửa cuối năm, nhờ các hoạt động xuất khẩu được kỳ vọng tăng mạnh hơn (đặc biệt hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước) và kế hoạch cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Trung ương Hoa Kỳ sẽ rõ ràng hơn. Áp lực tăng lợi tức theo đó sẽ giảm bớt. Tuy nhiên, giải ngân tín dụng bắt đầu tăng mạnh vào tuần cuối tháng 6, và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong nửa cuối năm. Điều này sẽ ảnh hưởng tiêu cực lên cầu trái phiếu Chính phủ. Từ phía cung, Kho bạc Nhà Nước có thể sẽ đẩy mạnh phát hành và theo đó chấp nhận lãi suất cao hơn. Lợi tức trái phiếu Chính phủ dự kiến sẽ tăng trong 6 tháng cuối năm nhưng không lớn.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ dự kiến sẽ tiếp tục sôi động, đặc biệt ở nhóm các ngân hàng. Tuy nhiên, hoạt động phát hành ra công chúng sẽ tiếp tục hạn chế, dự kiến chỉ có một vài đợt phát hành bởi các ngân hàng thương mại. Lãi suất huy động của các ngân hàng dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong nửa cuối năm, theo đó lãi suất coupon của các trái phiếu được kỳ vọng tăng. Tuy nhiên, lợi tức trái phiếu doanh nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục ổn định trong 6 tháng cuối năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**Nguyễn Thuỳ Linh****Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ****NHÂN VIÊN GIÁM SÁT****Vũ Minh Hiền****Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ**

Số tham chiếu: 11717125/68272967-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 19 đến trang 59, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiên Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3321-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
01	I. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		34.934.543.024	23.635.966.096
02	1.1 Cổ tức được chia		1.588.970.294	1.192.559.900
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	3.542.374.540	3.519.279.890
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	2.160.017.409	776.297.233
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	27.643.180.781	18.147.829.073
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		50.816.864	25.131.453
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	50.816.864	25.131.453
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		2.742.961.836	2.172.793.743
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	24.1	2.047.571.556	1.529.287.969
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	84.672.118	81.680.111
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	24.2	105.600.000	105.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	24.2	224.400.000	202.400.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.7	3.6 Chi phí hợp, Đại hội Quỹ mở		76.641.964	47.871.471
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		70.890.492	73.323.288
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	67.185.706	66.630.904
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		32.140.764.324	21.438.040.900
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		32.140.764.324	21.438.040.900
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		4.497.583.543	3.290.211.827
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	27.643.180.781	18.147.829.073
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		32.140.764.324	21.438.040.900

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	27.705.822.821	6.606.265.359
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		20.671.508.451	2.592.128.373
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		7.034.314.370	4.014.136.986
120	2. Các khoản đầu tư thuần		287.870.390.448	213.920.775.789
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	287.870.390.448	213.920.775.789
130	3. Các khoản phải thu		2.445.431.378	1.658.597.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.445.431.378	1.658.597.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	2.445.431.378	1.658.597.000
100	TỔNG TÀI SẢN		318.021.644.647	222.185.638.148
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		224.764.230	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	98.796.899	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		16.948.745	-
316	4. Chi phí phải trả	8	97.890.492	71.280.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	1.012.328.859	490.254.063
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	124.494.491	124.494.491
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	466.344.545	353.684.876
320	8. Phải trả, phải nộp khác		4.972.678	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.046.540.939	1.039.713.430
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		315.975.103.708	221.145.924.718
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		100.827.564.600	80.081.612.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	344.173.389.900	316.143.984.200
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(243.345.825.300)	(236.062.371.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		35.167.010.835	(6.775.452.131)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	179.980.528.273	147.839.763.949
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	12	31.338,16	27.615,06

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	10.082.756,46	8.008.161,29

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ	221.145.924.718	212.659.619.655
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	32.140.764.324	21.438.040.900
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	32.140.764.324	21.438.040.900
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	62.688.414.666	(22.847.607.296)
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	84.871.871.113	8.423.100.977
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(22.183.456.447)	(31.270.708.273)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ	315.975.103.708	211.250.053.259

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			204.933.258.450	64,45
1	ACB	343.350	23.800	8.171.730.000	2,57
2	ACV	40.800	122.000	4.977.600.000	1,57
3	BID	142.783	43.250	6.175.364.750	1,94
4	BVH	138.190	46.000	6.356.740.000	2,00
5	BWE	153.466	45.700	7.013.396.200	2,21
6	CTD	96.000	70.100	6.729.600.000	2,12
7	CTG	233.047	31.000	7.224.457.000	2,27
8	FPT	190.426	130.500	24.850.593.000	7,81
9	GMD	25.000	83.000	2.075.000.000	0,65
10	HCM	249.480	26.200	6.536.376.000	2,06
11	HPG	316.067	28.300	8.944.696.100	2,81
12	MBB	736.138	22.200	16.342.263.600	5,16
13	MWVG	251.480	62.400	15.692.352.000	4,94
14	NCT	25.400	100.500	2.552.700.000	0,80
15	NLG	157.706	41.400	6.529.028.400	2,05
16	PNJ	82.338	95.500	7.863.279.000	2,47
17	PVS	161.745	40.600	6.566.847.000	2,06
18	QNS	112.300	49.000	5.502.700.000	1,73
19	SAB	54.800	60.000	3.288.000.000	1,03
20	STB	488.400	28.800	14.065.920.000	4,42
21	TCB	70.000	23.350	1.634.500.000	0,51
22	VHM	133.816	37.650	5.038.172.400	1,58
23	VIB	197.000	21.000	4.137.000.000	1,30
24	VIC	73.000	41.200	3.007.600.000	0,95
25	VNM	122.948	65.500	8.053.094.000	2,53
26	VPB	217.000	18.650	4.047.050.000	1,27
27	VRE	182.500	20.450	3.732.125.000	1,17
28	VTP	94.278	83.000	7.825.074.000	2,47

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)
II	Trái phiếu			82.937.131.998	26,07
1	Trái phiếu niêm yết			72.937.131.998	22,93
1.1	- CTD122015	20	1.007.863.260,000	20.157.265.200	6,34
1.2	- GEG121022	70.000	102.670,973	7.186.968.110	2,26
1.3	- MML121021	230.000	99.276,644	22.833.628.120	7,18
1.4	- MSN123008	120.000	100.421,224	12.050.546.880	3,79
1.5	- TNG122017	36.000	101.897,493	3.668.309.748	1,15
1.6	- VHM121025	70.000	100.577,342	7.040.413.940	2,21
2	Trái phiếu chưa niêm yết			10.000.000.000	3,14
2.1	- VDS12306	50	100.000.000,000	5.000.000.000	1,57
2.2	- VDS12307	50	100.000.000,000	5.000.000.000	1,57
III	Các tài sản khác			2.445.431.378	0,77
1	Cổ tức được nhận			125.740.000	0,04
2	Lãi trái phiếu được nhận			2.302.820.135	0,72
3	Lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi được nhận			16.871.243	0,01
IV	Tiền			27.705.822.821	8,71
1	Tiền gửi ngân hàng			27.705.822.821	8,71
	Trong đó:				
1.1	- Tiền gửi thanh toán			20.671.508.451	6,50
1.2	- Các khoản tương đương tiền			7.034.314.370	2,21
V	Tổng giá trị danh mục			318.021.644.647	100,00

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		32.140.764.324	21.438.040.900
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(27.638.597.611)	(18.149.646.881)
03	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(27.643.180.781)	(18.147.829.073)
04	Chi phí trích trước		4.583.170	(1.817.808)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		4.502.166.713	3.288.394.019
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(46.306.433.878)	22.779.242.367
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(786.834.378)	(517.465)
10	Tăng phải trả cho người bán		224.764.230	-
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		98.796.899	(82.487.169)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		16.948.745	1.038.260
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		522.074.796	121.042.125
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	27.000.000
17	Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		112.659.669	(7.488.965)
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(41.588.857.204)	26.126.223.172
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	84.871.871.113	8.423.100.977
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(22.183.456.447)	(31.270.708.273)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		62.688.414.666	(22.847.607.296)
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ		21.099.557.462	3.278.615.876

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	4	6.606.265.359	1.295.752.028
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		6.606.265.359	1.295.752.028
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		5.991.516.805	1.082.619.837
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		4.014.136.986	-
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		1.977.379.819	1.082.619.837
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		614.748.554	213.132.191
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4	27.705.822.821	4.574.367.904
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		27.705.822.821	4.574.367.904
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		26.568.999.471	4.240.193.588
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		7.034.314.370	2.526.211.408
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		19.534.685.101	1.713.982.180
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		1.136.823.350	334.174.316
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		21.099.557.462	3.278.615.876

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 100.827.564.600 VNĐ, tương đương với 10.082.756,46 chứng chỉ quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (“NAV”)

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - TBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.4).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc các trường hợp khác được chi tiết tại Sổ tay định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá;
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: $\text{Tỷ lệ thực hiện quyền} = \text{Số cổ phiếu được mua} / \text{Số lượng quyền mua sở hữu}$
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán các khoản đầu tư được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,50% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quý bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quý sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 23* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	19.534.685.101	1.977.379.819
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	7.034.314.370	4.014.136.986
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ	1.136.823.350	614.748.554
	27.705.822.821	6.606.265.359

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch (giảm)/tăng thuần VNĐ
Ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	144.114.607.661	204.933.258.450	73.204.660.633	(12.386.009.844)	204.933.258.450
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết					
(a)	73.098.986.091	72.937.131.998	344.713.267	(506.567.360)	72.937.131.998
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	227.213.593.752	287.870.390.448	73.549.373.900	(12.892.577.204)	287.870.390.448
Ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Cổ phiếu niêm yết	120.388.801.379	153.500.200.600	44.924.674.465	(11.813.275.244)	153.500.200.600
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	50.518.358.495	50.420.575.189	337.379.017	(435.162.323)	50.420.575.189
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	180.907.159.874	213.920.775.789	45.262.053.482	(12.248.437.567)	213.920.775.789

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập giữa niên độ

27.643.180.781

- (a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Masan Meatlife, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG và Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, kỳ hạn từ 3 đến 5 năm, lãi suất từ 8,675%/năm đến 12,780%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.
- (b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phát hành, kỳ hạn 1 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất 9,20%/năm và 9,50%/năm, lãi trả hàng tháng.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	2.302.820.135	1.603.613.582
Dự thu cổ tức	125.740.000	42.974.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	16.871.243	12.009.418
	2.445.431.378	1.658.597.000

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	98.796.899	-

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phí kiểm toán	70.890.492	71.280.000
Thù lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	-
	97.890.492	71.280.000

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	386.484.545	276.024.876
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	2.860.000	660.000
	466.344.545	353.684.876

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số cuối kỳ VNĐ
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	31.614.398,42	2.802.940,57	34.417.338,99
Giá trị ghi theo mệnh giá	316.143.984.200	28.029.405.700	344.173.389.900
Thặng dư vốn	231.430.862.202	56.842.465.413	288.273.327.615
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	547.574.846.402	84.871.871.113	632.446.717.515
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(23.606.237,13)	(728.345,40)	(24.334.582,53)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(236.062.371.300)	(7.283.454.000)	(243.345.825.300)
Thặng dư vốn	(238.206.314.333)	(14.900.002.447)	(253.106.316.780)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(474.268.685.633)	(22.183.456.447)	(496.452.142.080)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	8.008.161,29	2.074.595,17	10.082.756,46
Giá trị vốn góp hiện hành	73.306.160.769	62.688.414.666	135.994.575.435
Lợi nhuận chưa phân phối	147.839.763.949	32.140.764.324	179.980.528.273
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	221.145.924.718		315.975.103.708
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	27.615,06		31.338,16

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	119.323.731.577	114.826.148.034
Lợi nhuận chưa thực hiện	60.656.796.696	33.013.615.915
	179.980.528.273	147.839.763.949

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	3.480.529.397	3.224.614.452
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	-	205.794.521
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	54.418.918	88.458.437
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	7.426.225	412.480
	3.542.374.540	3.519.279.890

15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu	5.917.190.000	3.727.208.718	2.189.981.282
Trái phiếu niêm yết	9.570.000.000	9.599.963.873	(29.963.873)
	15.487.190.000	13.327.172.591	2.160.017.409
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		
	Tổng giá trị bán trong kỳ VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong kỳ VNĐ
Cổ phiếu	16.989.839.600	16.194.855.038	794.984.562
Trái phiếu niêm yết	7.500.000.000	7.518.687.329	(18.687.329)
	24.489.839.600	23.713.542.367	776.297.233

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ</i>
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	7.207.910	23.784.494
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	43.580.754	1.165.950
Chi phí giao dịch khác	28.200	181.009
	50.816.864	25.131.453

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	66.000.000	66.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	11.440.000	8.580.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	7.232.118	7.100.111
	84.672.118	81.680.111

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Phí thường niên trả Ủy ban		
Chứng khoán Nhà nước	4.972.678	4.958.904
Phí ngân hàng	2.213.028	1.672.000
	67.185.706	66.630.904

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối tháng 12/2023	221.145.924.718	8.008.161,29	27.615,06	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	221.150.868.559	8.008.161,29	27.615,68	0,62
Kỳ 2 Tháng 1/2024	223.493.851.915	8.015.291,75	27.883,43	267,75
Kỳ 3 Tháng 1/2024	225.741.232.445	8.021.814,19	28.140,92	257,49
Kỳ 4 Tháng 1/2024	226.909.303.608	8.086.621,20	28.059,84	(81,08)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	230.960.247.626	8.265.580,02	27.942,41	(117,43)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	233.972.953.964	8.293.147,96	28.212,80	270,39
Kỳ 7 Tháng 1/2024	238.113.407.758	8.301.815,64	28.682,08	469,28
Kỳ 8 Tháng 1/2024	236.949.235.496	8.300.561,78	28.546,16	(135,92)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	238.338.219.517	8.317.346,78	28.655,55	109,39
Kỳ Cuối Tháng 1/2024	237.987.307.338	8.334.197,02	28.555,51	(100,04)
Kỳ 1 Tháng 2/2024	243.102.381.427	8.353.631,79	29.101,40	545,89
Kỳ 2 Tháng 2/2024	246.392.997.380	8.390.103,76	29.367,09	265,69
Kỳ 3 Tháng 2/2024	248.472.677.215	8.399.046,93	29.583,43	216,34
Kỳ 4 Tháng 2/2024	252.532.703.666	8.498.461,87	29.715,10	131,67
Kỳ 5 Tháng 2/2024	254.778.997.381	8.582.067,18	29.687,36	(27,74)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	260.438.295.191	8.652.365,01	30.100,24	412,88
Kỳ Cuối Tháng 2/2024	261.935.826.378	8.692.799,05	30.132,50	32,26
Kỳ 1 Tháng 3/2024	264.863.605.273	8.692.799,05	30.469,31	336,81
Kỳ 2 Tháng 3/2024	267.435.662.128	8.786.868,21	30.435,83	(33,48)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	262.801.582.261	8.790.890,48	29.894,76	(541,07)
Kỳ 4 Tháng 3/2024	272.287.543.131	8.873.188,26	30.686,55	791,79
Kỳ 5 Tháng 3/2024	270.477.689.911	8.912.351,05	30.348,63	(337,92)
Kỳ 6 Tháng 3/2024	275.702.614.198	9.001.126,98	30.629,78	281,15
Kỳ 7 Tháng 3/2024	276.642.520.133	9.031.908,28	30.629,46	(0,32)
Kỳ 8 Tháng 3/2024	281.815.396.279	9.092.515,86	30.994,21	364,75
Kỳ Cuối Tháng 3/2024	283.204.382.503	9.117.935,83	31.060,14	65,93

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

B06g-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	283.281.728.685	9.117.935,83	31.068,62	8,48
Kỳ 2 Tháng 4/2024	284.722.364.470	9.257.939,31	30.754,39	(314,23)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	281.336.270.165	9.313.044,83	30.208,83	(545,56)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	285.486.100.188	9.382.690,45	30.426,89	218,06
Kỳ 5 Tháng 4/2024	279.677.658.743	9.399.970,86	29.753,03	(673,86)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	277.057.943.791	9.427.731,50	29.387,55	(365,48)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	282.198.945.183	9.443.016,20	29.884,40	496,85
Kỳ Cuối Tháng 4/2024	283.688.945.159	9.454.940,66	30.004,30	119,90
Kỳ 1 Tháng 5/2024	283.695.497.665	9.454.940,66	30.005,00	0,70
Kỳ 2 Tháng 5/2024	291.126.717.493	9.497.792,81	30.652,03	647,03
Kỳ 3 Tháng 5/2024	293.582.382.269	9.510.681,04	30.868,70	216,67
Kỳ 4 Tháng 5/2024	292.278.639.101	9.540.334,05	30.636,10	(232,60)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	297.133.658.291	9.587.559,61	30.991,58	355,48
Kỳ 6 Tháng 5/2024	299.521.697.669	9.595.160,05	31.215,91	224,33
Kỳ 7 Tháng 5/2024	301.506.311.992	9.637.020,64	31.286,25	70,34
Kỳ 8 Tháng 5/2024	301.577.444.276	9.663.871,39	31.206,69	(79,56)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	304.635.206.015	9.769.173,86	31.183,31	(23,38)
Kỳ Cuối Tháng 5/2024	304.006.982.002	9.773.880,94	31.104,01	(79,30)
Kỳ 1 Tháng 6/2024	308.007.353.864	9.773.880,94	31.513,31	409,30
Kỳ 2 Tháng 6/2024	308.514.746.979	9.777.696,04	31.552,90	39,59
Kỳ 3 Tháng 6/2024	311.777.315.391	9.787.306,23	31.855,27	302,37
Kỳ 4 Tháng 6/2024	318.112.596.005	9.874.443,68	32.215,74	360,47
Kỳ 5 Tháng 6/2024	315.579.015.184	9.922.732,59	31.803,64	(412,10)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	319.942.149.280	9.985.186,23	32.041,68	238,04
Kỳ 7 Tháng 6/2024	315.027.017.469	9.967.972,60	31.603,92	(437,76)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	317.754.150.810	10.049.675,30	31.618,34	14,42
Kỳ Cuối Tháng 6/2024	315.975.103.708	10.082.756,46	31.338,16	(280,18)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

274.451.808.678

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức cao nhất

791,79
(0,32)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ - mức thấp nhất

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

20. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (chứng chỉ quỹ)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	10.082.756,46	8.008.161,29

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (%)	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,04	2,14
Tốc độ vòng quay danh mục	23,88	8,72

21.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với 2.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

21.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm. Tại ngày kết thúc báo cáo tài chính giữa niên độ, tỷ lệ này sẽ được tính toán cho 12 tháng bằng cách nhân tỷ lệ của kỳ kế toán sáu tháng với 2.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 \times 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

22.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ. Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quỹ là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quỹ là 277.870.390.448 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 27.787.039.045 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 27.787.039.045 VNĐ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

22.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính giữa niên độ và thông tin đại chúng.

22.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc đầu tư một tỷ trọng đầu tư hợp lý vào các cổ phiếu có tính thanh khoản cao. Thanh khoản của một cổ phiếu được xem xét theo số ngày cần thiết để thanh toán toàn bộ số cổ phiếu quỹ nắm giữ với giả định giao dịch của quỹ chiếm 10% giao dịch của thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

23. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	27.705.822.821	27.705.822.821	6.606.265.359	6.606.265.359
Các khoản đầu tư thuần	287.870.390.448	287.870.390.448	213.920.775.789	213.920.775.789
- Cổ phiếu niêm yết	204.933.258.450	204.933.258.450	153.500.200.600	153.500.200.600
- Trái phiếu doanh nghiệp	82.937.131.998	82.937.131.998	60.420.575.189	60.420.575.189
Các khoản phải thu	2.445.431.378	2.445.431.378	1.658.597.000	1.658.597.000
	318.021.644.647	318.021.644.647	222.185.638.148	222.185.638.148
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	98.796.899	98.796.899	-	-
Chi phí phải trả	97.890.492	97.890.492	71.280.000	71.280.000
Phải trả về mua các khoản đầu tư	224.764.230	224.764.230	-	-
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.012.328.859	1.012.328.859	490.254.063	490.254.063
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	124.494.491	124.494.491	124.494.491	124.494.491
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	466.344.545	466.344.545	353.684.876	353.684.876
Phải trả, phải nộp khác	4.972.678	4.972.678	-	-
	2.029.592.194	2.029.592.194	1.039.713.430	1.039.713.430

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả phải nộp khác bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại Thuyết minh 3.4.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	2.047.571.556	1.529.287.969
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	386.484.545	276.024.876

b) Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	60.000.000
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	-

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

24.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	24,79	2.500.000,00	31,22
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.334.027,88	13,23	1.334.027,88	16,66
Bên liên quan khác		103.722,20	1,03	156.297,44	1,95
		3.937.750,08	39,05	3.990.325,32	49,83

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng; từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VNĐ
Giá dịch vụ quản trị quỹ	224.400.000	202.400.000
Giá dịch vụ giám sát	105.600.000	105.600.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	66.000.000	66.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	11.440.000	8.580.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.426.225	412.480
Phí ngân hàng	2.213.028	1.672.000

Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Tiền gửi thanh toán	20.671.508.451	2.592.128.373
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	2.860.000	660.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B06g-QM

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục




Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

